

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 08/2018/HNST

Ngày 08/02/2018

Về việc: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan.
2. Ông Nguyễn Chí Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2018/TLST – HN ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST – DS ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Dương Thanh P**, sinh năm 1981 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Anh P và chị T chung sống với nhau năm 2004 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 03/2016, sau khi cãi nhau chị T bỏ nhà đi nên anh P và chị T đã sống ly thân không còn liên lạc qua lại cho đến nay.

Nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung tên Dương Thành N, sinh ngày 08/10/2004, Dương Thanh T1, sinh ngày 03/04/2012 hiện hai cháu đang sống cùng anh P. Tòa cho ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tổng đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh P yêu cầu được ly hôn với chị T căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp “xin ly hôn”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng chị T không đến tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[4] Về hôn nhân: Anh P xin ly hôn với chị T vì trong quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tháng 03/2016 sau khi cãi nhau chị T bỏ nhà đi nên anh P và chị T đã ly thân không còn liên lạc qua lại cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa anh P và chị T lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Anh P xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi ý kiến. Như vậy, cho thấy chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh P nên cần xem xét cho anh P được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Anh P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Dương Thành N, sinh ngày 08/10/2004, Dương Thanh T1, sinh ngày 03/04/2012. Xét yêu cầu về con chung của anh P là phù hợp vì anh P là người đang trực tiếp chăm sóc hai con chung từ khi chị T bỏ đi đến nay, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của hai cháu không bị xáo trộn cần để anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Khi cần thiết vì

quyền lợi của hai cháu anh P hoặc chị T có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[6] Về cấp dưỡng: Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Thanh P với chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Anh Dương Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao hai cháu Dương Thành N, sinh ngày 08/10/2004, Dương Thanh T1, sinh ngày 03/04/2012 cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc anh P chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. **Về án phí:** Anh Dương Thanh P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 18910 ngày 19/10/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy, anh P đã nộp xong án phí.

3. **Về quyền kháng cáo:** Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị T thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CC.THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Tính